

**Trương Thanh Nguyên, CFA**  
Chuyên viên Vĩ mô

**Alastair Macdonald, CFA**  
Giám đốc Phòng Nghiên cứu & Phân tích

Chỉ số Việt Nam	TT GT cuối tháng	T5%	YTD%
VNI	864,5	12,4	-10,0
VN30	806,2	7,3	-8,3
VN Mid	862,5	26,3	-7,1
VN Small	739,0	-5,5	-5,3
HNI	109,8	2,8	7,2
HN30	216,6	5,1	20,8

GT vốn hóa cuối tháng (tỷ USD)	T4	T5
HSX	114,5	129,5
HNX	8,9	9,2
UPCoM	34,2	36,0
Tổng cộng	157,6	174,7

Hoạt động GD (tr USD)	T4	T5
GTGD TB/phiên (bao gồm thỏa thuận)		
HSX	187,0	247,4
HNX	22,1	24,0
UPCoM	10,8	16,2
Tổng cộng	219,9	287,6

Khối ngoại mua ròng		
HSX	-268,8	-19,5
HNX	-17,2	-10,7
UPCoM	-10,3	-8,2
Tổng cộng	-296,3	-38,4

Diễn biến các chỉ số ASEAN 4	T5%	YTD%
Việt Nam (VNI)	12,4	-10,0
Thái Lan (SET)	3,2	-14,1
Philippines (PCOMP)	2,4	-24,6
Indonesia (JCI)	0,8	-24,5

P/E (trượt 12T)	T4	T5
Việt Nam (VNI)	12,2	14,3
Thái Lan (SET)	15,6	18,5
Philippines (PSE)	12,2	12,7
Indonesia (JCI)	14,0	14,9

## VN-Index phục hồi mạnh mẽ trong tháng 5

**Chỉ số VN-Index (VNI) hồi phục nhanh hơn các thị trường khác trong khu vực.** Chỉ số VNI đã ghi nhận tháng tăng điểm thứ hai liên tiếp khi tăng hơn 12,4% MoM (so với tháng trước), đạt 864,5 điểm vào cuối tháng— áp sát mức cao nhất trong vòng 3 tháng qua. Chỉ số VNI đã tăng 31% từ mức đáy của năm 2020 là 659,2 điểm ghi nhận ngày 24/03, giúp thu hẹp đà giảm tính từ đầu năm (YTD) còn 10%. Các thị trường khác trong khu vực cũng đã phục hồi, nhưng với tốc độ chậm hơn: chỉ số SET của Thái Lan (+3,2% MTD; -14,1% YTD), chỉ số PCOMP Philippines (+2,4% MTD; -24,6% YTD) và JCI của Indonesia (+0,8% MTD; -24,5% YTD).

**Tất cả các ngành đều tăng điểm.** Nhóm ngân hàng nhóm có diễn biến tích cực nhất (+16,8%), dẫn dắt bởi VCB (+25%), BID (+13%) và TCB (+20%). Theo sau là nhóm VLXD (+15,1%), với sự đóng góp lớn từ HPG (+27%) và HSG (+36%). Nhóm Năng lượng (+12,8%) đứng thứ ba, dẫn dắt bởi PLX (+15%) nhờ sự phục hồi của giá dầu thô.

**Thanh khoản thị trường đạt mức cao nhất 2 năm qua.** Tổng GTGD và giá trị giao dịch trung bình ngày (ADTV) trên cả 3 sàn cùng tăng mạnh 31% MoM, đạt lần lượt 5,8 tỷ USD và 287 triệu USD trong tháng 5, mức cao nhất kể từ tháng 6/2018. ADTV trong 5 tháng 2020 cũng cải thiện lên mức 229,7 triệu USD – tăng 12,9% YoY.

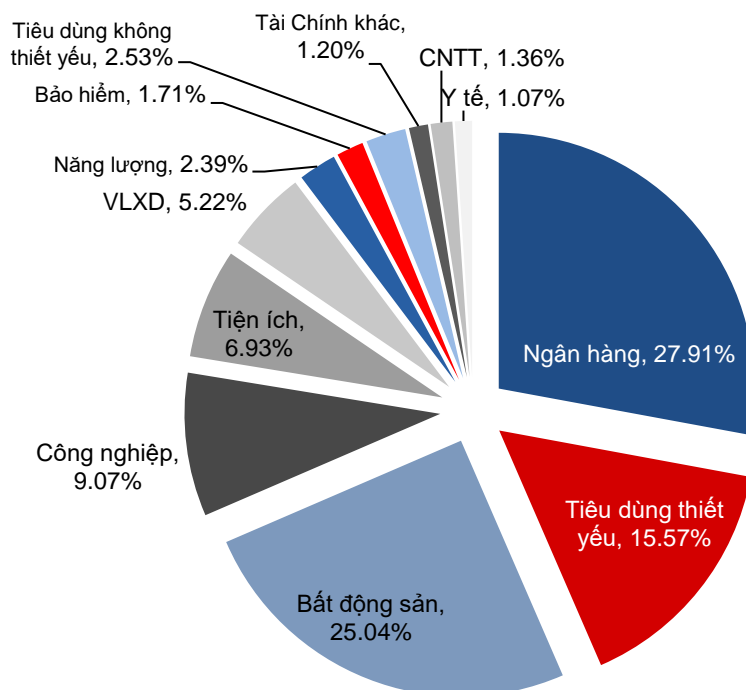
**Áp lực bán ròng của khối ngoại suy yếu.** NĐT nước ngoài đã bán ròng 4 tháng liên tiếp; tuy nhiên, khối lượng bán ròng trên cả 3 sàn đã giảm mạnh còn 38,4 triệu USD trong tháng 5 từ mức 296,3 triệu USD của tháng 4. Trong 5 tháng đầu năm 2020, giá trị bán ròng khối ngoại đạt 766,7 triệu USD (so với lượng mua ròng 412,4 triệu USD trong 5T 2019). VHM (78,8 triệu USD), VIC (19,6 triệu USD) và PC1 (19,2 triệu USD) chịu áp lực bán ròng mạnh nhất trong tháng 5; trong khi đó, MSN (102 triệu USD), VNM (35,5 triệu USD) và VCB (30,1 triệu USD) thu hút lượng mua ròng cao nhất trong tháng. Các thị trường trong khu vực cũng chứng kiến lượng sự rút vốn mạnh mẽ từ các NĐT nước ngoài trong 5 tháng đầu năm, tiêu biểu như SET Thái Lan (6,1 tỷ USD), JCI Indonesia (721 triệu USD) và Philippines PCOMP (1,1 tỷ USD), so với VNI (649 triệu USD).

**Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) giảm lãi suất lần thứ hai trong năm 2020; Chính phủ hạ dự báo tăng trưởng GDP 2020 còn 4,5% từ 6,8%.** Sau khi giảm các lãi suất điều hành - bao gồm lãi suất tái cấp vốn, lãi suất chiết khấu và OMO – từ 50 đến 100 điểm cơ bản từ ngày 15/03, NHNN tiếp tục giảm các mức lãi suất này thêm 50 điểm cơ bản từ ngày 13/05 xuống còn lần lượt 4,5%, 3,0% và 3,0%. Việc hạ lãi suất kỳ vọng thúc đẩy nền kinh tế phục hồi sau tác động của dịch COVID-19. Ngoài ra, Chính phủ đã điều chỉnh dự báo tăng trưởng GDP 2020 xuống mức 4,4% - 5,2% (so với mục tiêu ban đầu là 6,8%), dựa trên kịch bản Việt Nam kiểm soát được dịch COVID-19 kể từ tháng 4 và các đối tác thương mại/đầu tư lớn của Việt Nam có thể kiểm soát được dịch vào cuối quý 3/2020. Tuy nhiên, trong kịch bản kém tích cực hơn, các đối tác thương mại/đầu tư lớn của Việt Nam chỉ có thể kiểm soát được dịch COVID-19 vào cuối quý 4/2019, Chính phủ kỳ vọng tăng trưởng GDP năm 2020 của Việt Nam sẽ đạt 3,6% - 4,4%.

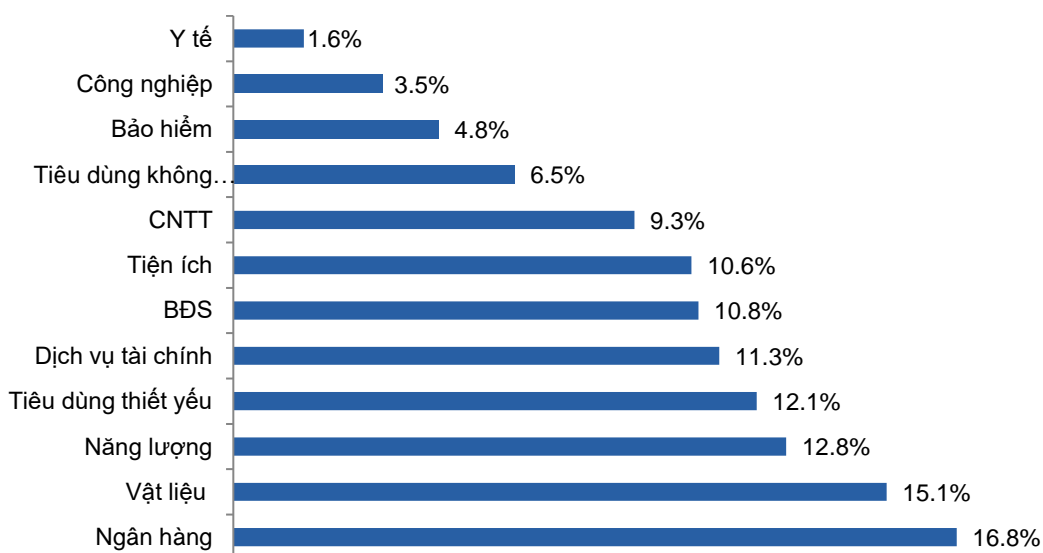
**Triển vọng:** Việc kiểm soát thành công dịch COVID-19 tại Việt Nam được phản ánh thông qua chỉ số Quản trị Sức mua của Việt Nam đạt 42,7 điểm trong tháng 5 (so với mức thấp kỷ lục 32,7 ghi nhận hồi tháng 4), cho thấy đà suy giảm của lĩnh vực sản xuất đã được thu hẹp khi phần lớn các hoạt động kinh tế đã dần quay trở lại bình thường. Tuy nhiên, nhu cầu toàn cầu vẫn duy trì ở mức thấp, có thể tiếp tục ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam. Trong khi đó, VN-Index tăng mạnh trong 2 tháng qua đã đẩy chỉ số P/E trượt lên mức 14,3 lần tính đến cuối tháng 5, vẫn khá hấp dẫn so với các thị trường khác trong khu vực như SET của Thái Lan là 18,5 lần, và JCI của Indonesia là 14,9 lần. Tuy nhiên, hiện VN-Index đã áp sát mức mục tiêu 900 điểm cho cuối năm 2020 của chúng tôi, chúng tôi cho rằng sẽ là khá thách thức để tiếp tục duy trì đà tăng tương tự trong tháng 6.

## Thị trường Việt Nam

Hình 1: Cơ cấu giá trị vốn hóa thị trường Việt Nam theo ngành trong tháng 5



Hình 2: Biến động giá cổ phiếu theo nhóm trong tháng 5



Nguồn: HSX, HNX

(\*) Ghi chú: GAS được xếp vào nhóm Tiện ích thay vì Dầu khí theo GICS vì là công ty phân phối khí.

Các công ty được phân ngành dựa theo tiêu chuẩn GICS với các điều chỉnh sau: Ngành Tài chính (mã GICS 40) được chia thành 3 phân ngành: Ngân hàng, Bảo hiểm và Tài chính khác; Các công ty Ô tô và Phụ tùng (mã GICS 2510) thuộc về ngành Công nghiệp (mã GICS 20) thay vì thuộc Ngành Tiêu dùng (mã GICS 25).

**Hình 3: Các mã tăng mạnh nhất trong tháng 5**

	Ngành	GT Vốn hóa (triệu USD)	Tỷ trọng	Giá hiện tại	So với tháng trước
<b>HOSE*</b>					
KDC	Hàng tiêu dùng thiết yếu	282	0,22	31.850	84%
TAC	Hàng tiêu dùng thiết yếu	54	0,04	37.200	64%
DBC	Hàng tiêu dùng thiết yếu	186	0,14	41.300	49%
HSG	Vật liệu	191	0,15	9.970	36%
TV2	Công nghiệp	82	0,06	79.000	35%
<b>HNX**</b>					
DGC	Hàng tiêu dùng thiết yếu	205	2,22	36.800	38%
VNT	Công nghiệp	28	0,31	55.400	32%
DP3	Y tế	31	0,33	83.500	27%
HUT	Công nghiệp	25	0,28	2.200	22%
TVC	Công nghiệp	58	0,63	33.800	21%

**Hình 4: Các mã giảm mạnh nhất trong tháng 5**

	Ngành	GT Vốn hóa (triệu USD)	Tỷ trọng	Giá hiện tại	So với tháng trước
<b>HOSE*</b>					
BIC	Bảo hiểm	110	0,08	21.750	-12%
ROS	Công nghiệp	86	0,07	3.500	-7%
DBD	Y tế	112	0,09	49.700	-5%
STG	Công nghiệp	64	0,05	15.000	-4%
PAN	Hàng tiêu dùng thiết yếu	198	0,15	22.000	-4%
<b>HNX**</b>					
DL1	Công nghiệp	57	0,61	13.000	-41%
TAR	Hàng tiêu dùng thiết yếu	35	0,38	23.500	-29%
CTX	Công nghiệp	31	0,33	9.100	-17%
SHB	Ngân hàng	1.059	11,44	14.000	-12%
PGS	Năng lượng	36	0,38	16.500	-11%

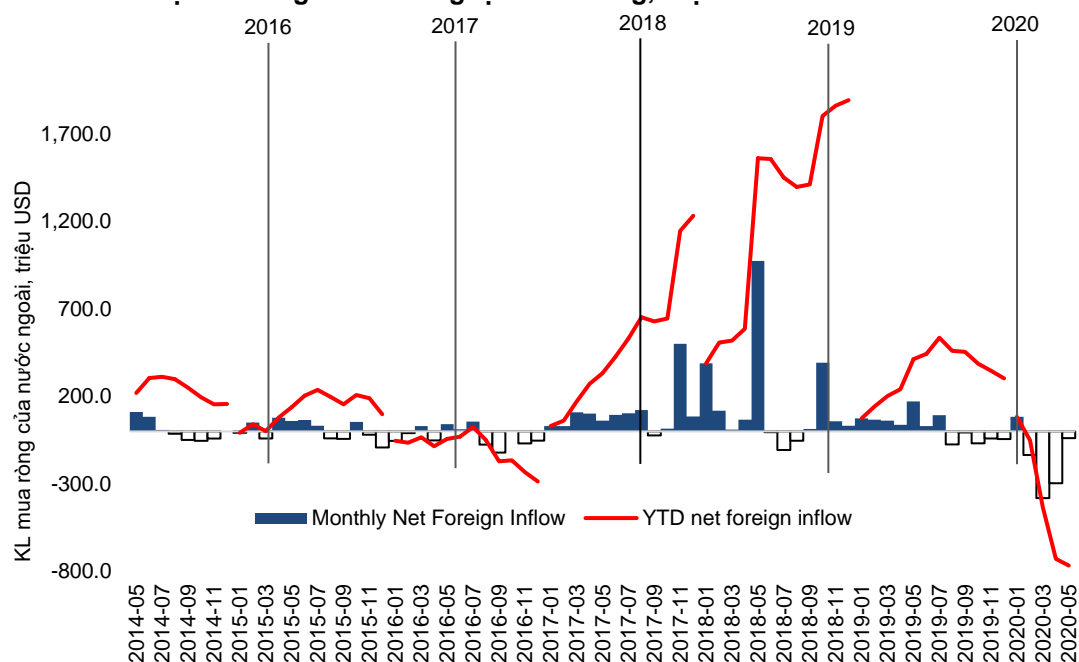
(\*): giá trị vốn hóa tối thiểu 50 triệu USD

(\*\*): giá trị vốn hóa tối thiểu 25 triệu USD

Nguồn: HSX, HNX

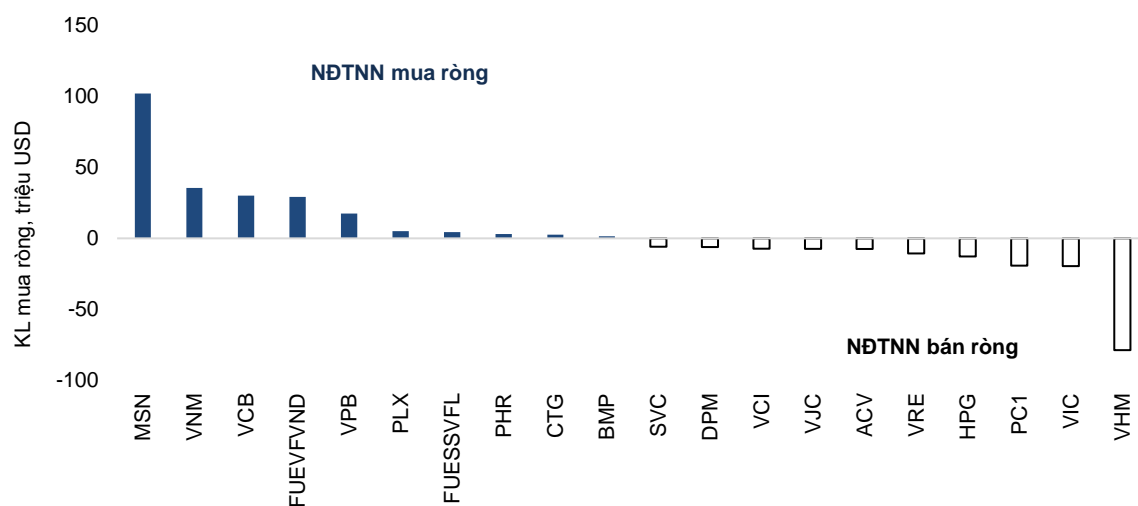
## Hoạt động của khối ngoại

Hình 5: Giá trị mua ròng của khối ngoại theo tháng, triệu USD



Nguồn: HSX, HNX, VCSC

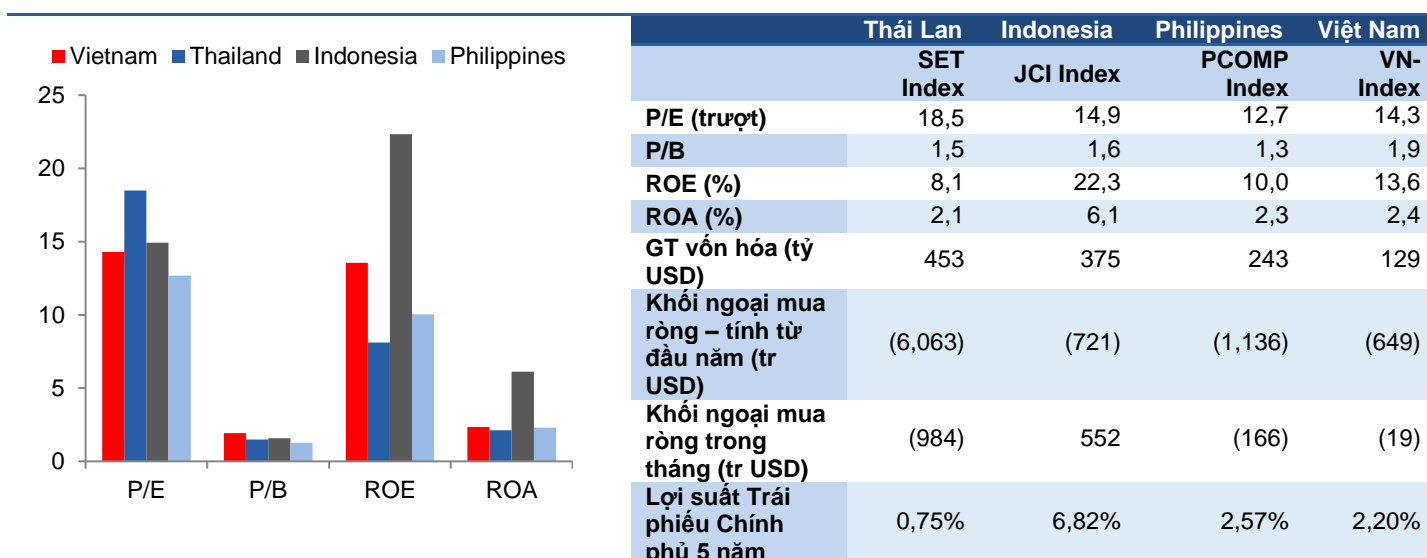
Hình 6: Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng mạnh nhất



Nguồn: HSX, HNX

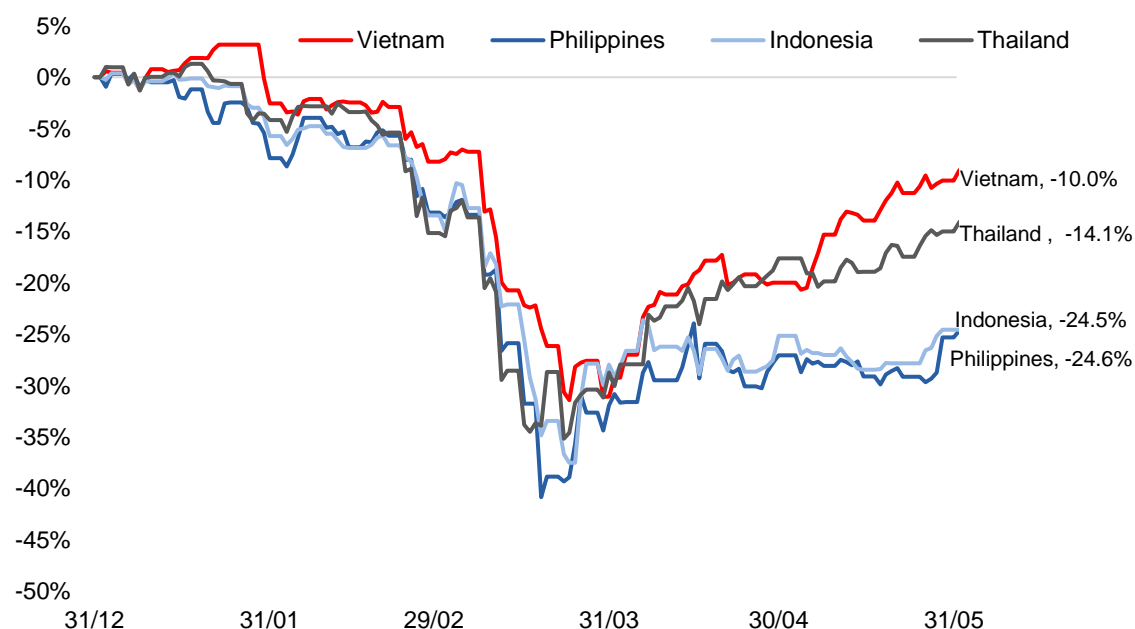
## Việt Nam và một số thị trường lân cận

Hình 7: Các chỉ số chính trong nhóm ASEAN - Các dữ liệu và định giá chính



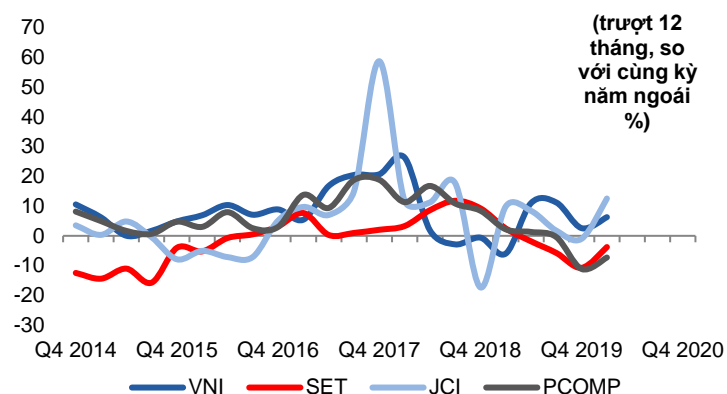
Nguồn: Bloomberg, HSX, VCSC

Hình 8: Các chỉ số chính trong nhóm ASEAN - Diễn biến tính từ đầu năm tính theo đồng tiền từng quốc gia



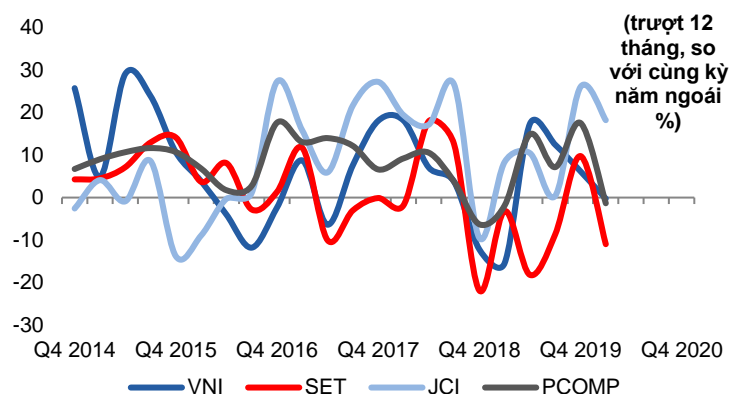
Nguồn: Bloomberg (số liệu ngày 29/05/2020), VCSC

Hình 9: Tăng trưởng doanh thu



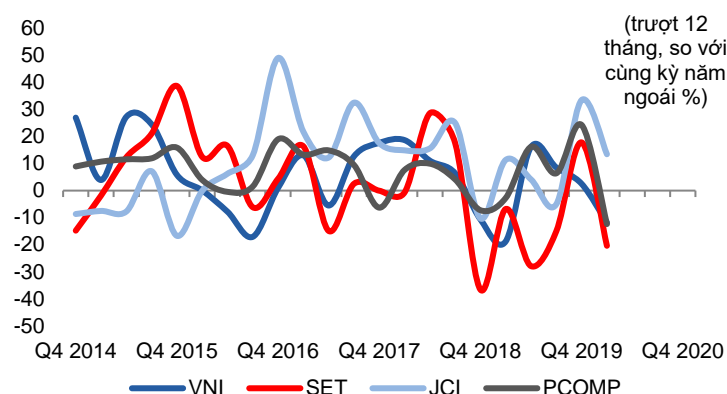
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 10: Tăng trưởng EBITDA



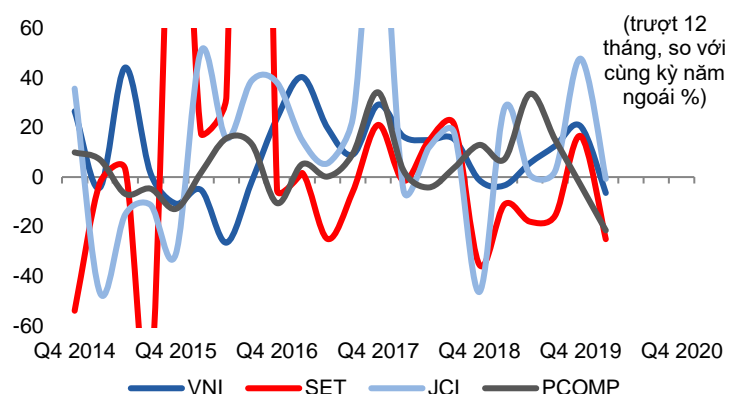
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 11: Tăng trưởng LN từ HĐKD



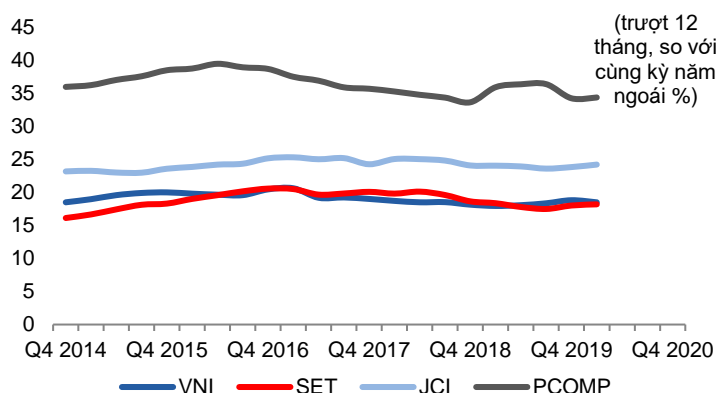
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 12: Tăng trưởng lợi nhuận



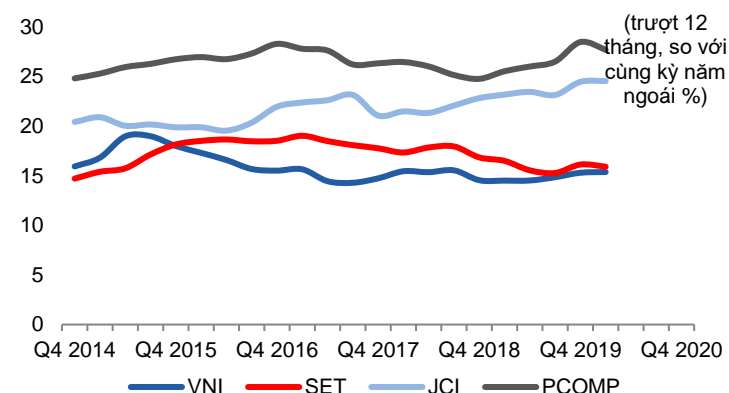
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 13: Biên lợi nhuận gộp



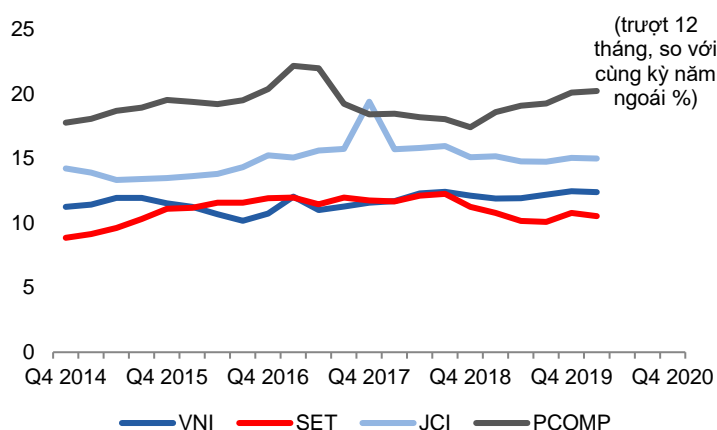
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 14: Biên EBITDA



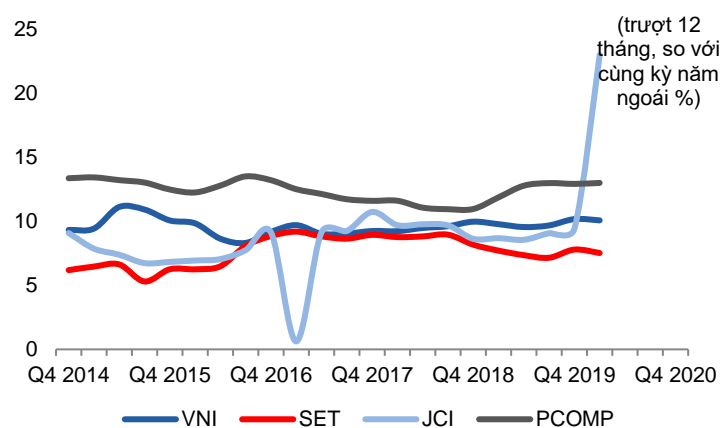
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 15: Biên lợi nhuận từ HĐKD



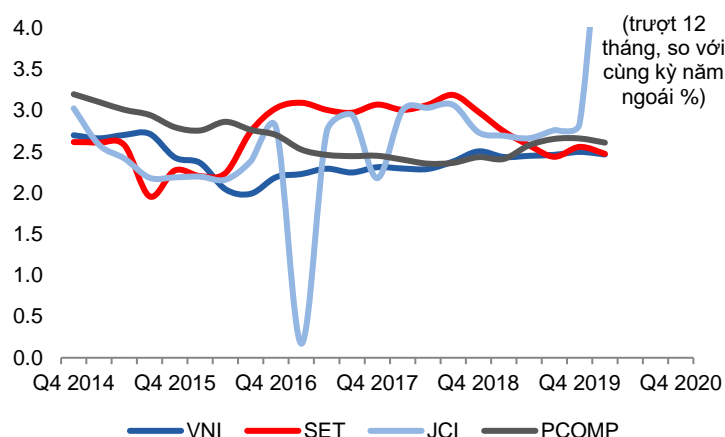
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 16: Biên lợi nhuận ròng



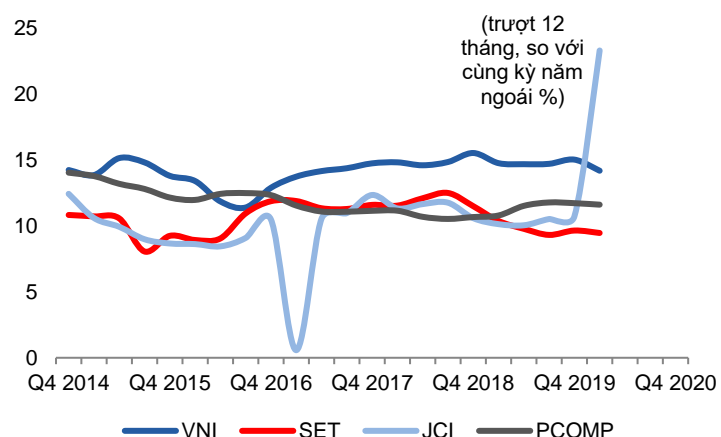
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Figure 17: ROA



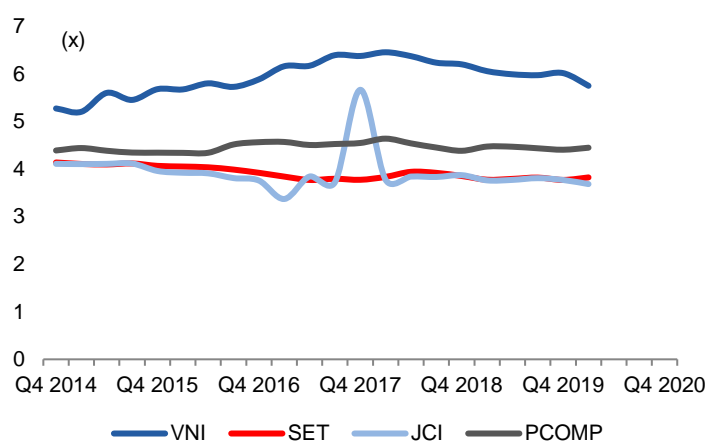
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Figure 18: ROE



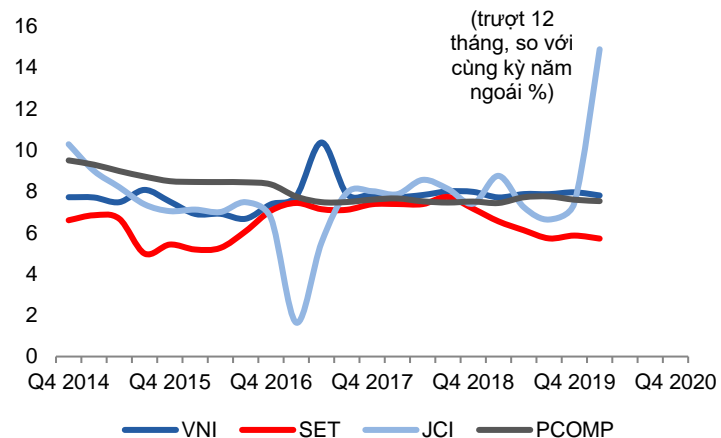
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 19: Trung bình tài sản / vốn chủ sở hữu



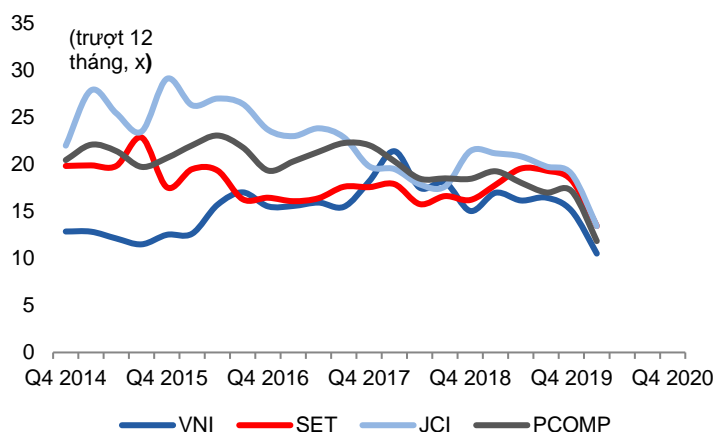
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 20: Tỷ lệ hoàn vốn



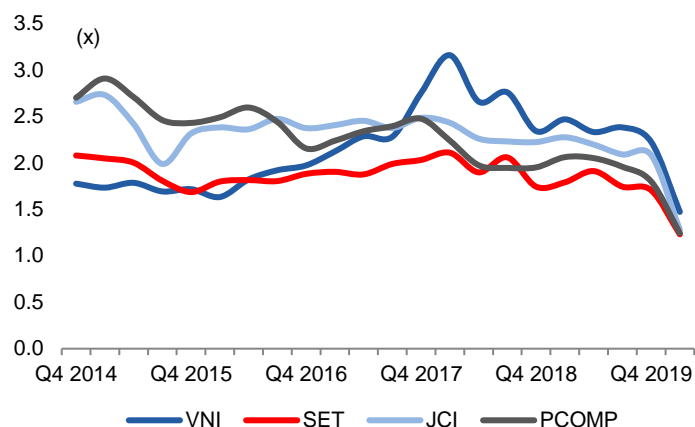
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Figure 21: P/E



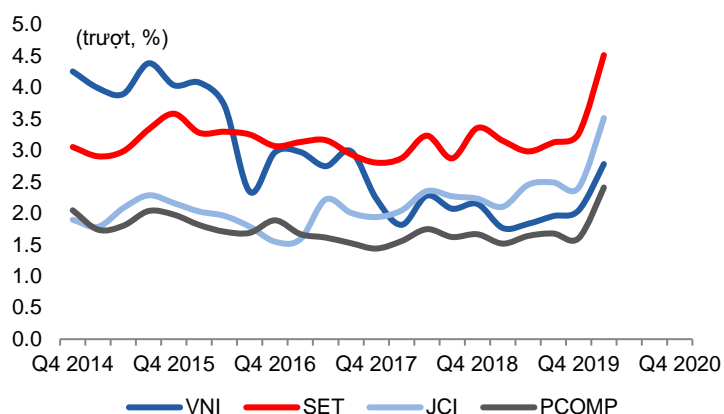
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Figure 22: P/B



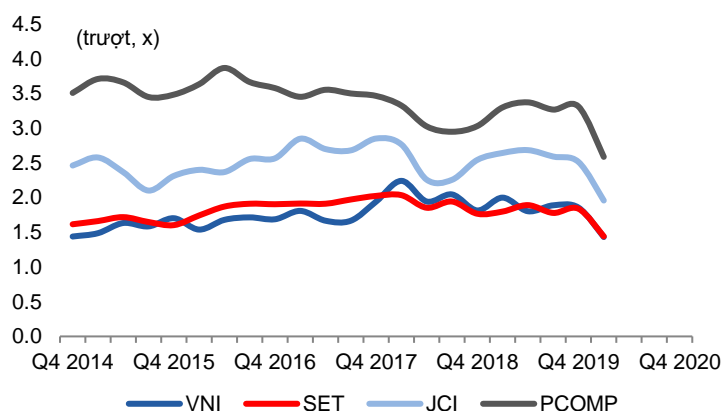
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 23: Lợi suất cổ tức



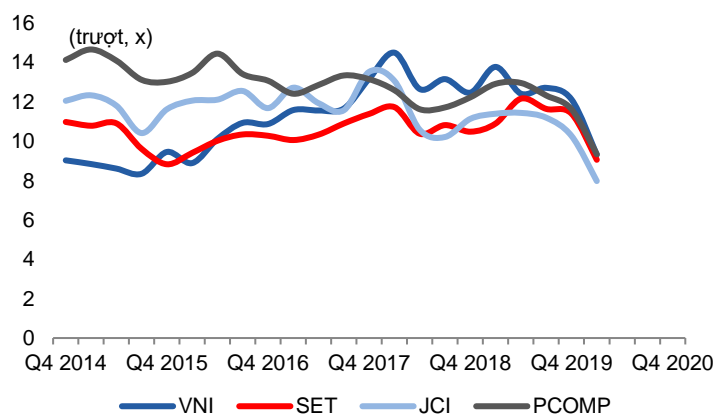
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 24: GTDN / Doanh thu



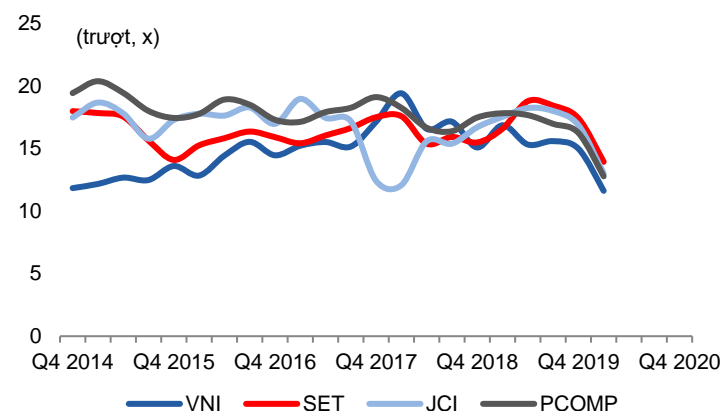
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 25: EV/EBITDA



Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 26: EV/EBIT



Nguồn: Bloomberg, VCSC

Ghi chú: Định giá ở trang này được dựa trên giá vào cuối quý, số liệu quý 1/2020

# DANH MỤC CÁC CỔ PHIẾU VCSC THEO DÕI

Ticker	Company	Sector	Mkt Cap USDm	30D ADTV USDm	Foreign Room USDm	EPS growth		PE		Dividend per share VND	Div Yield (%) at current price	Upside to TP (%)	Target Price VND	Rating
Updated	29-May-2020		Current	Current	Current	FY20	FY21	FY20	FY21	FY20	FY20			
ACB	Asia Commercial Bank JSC	Banks	1,454	3.14	-	2%	24%	6.4	5.2	1,010	4.2%	20.3%	29,000	BUY
BID	Bank for Investment and Development	Banks	6,110	1.92	880.0	-18%	68%	27.7	16.5	670	1.6%	-15.8%	34,700	U-PF
CTG	Vietnam Joint Stock Commercial Bank	Banks	3,178	5.09	12.9	-10%	29%	10.2	7.9	-	0.0%	2.6%	23,800	O-PF
MBB	Military Commercial JSCB	Banks	1,641	4.29	-	-21%	20%	6.1	5.1	500	2.9%	29.3%	22,500	BUY
STB	Saigon Thuong Tin JSCB	Banks	700	3.69	120.2	21%	21%	7.9	6.5	-	0.0%	44.6%	15,400	BUY
VCB	Bank for Foreign Trade of Vietnam	Banks	10,761	4.52	859.6	5%	14%	17.7	15.6	861	1.0%	-7.0%	80,100	M-PF
VPB	Vietnam Prosperity JSCB	Banks	2,132	3.67	0.0	-1%	31%	7.1	5.4	-	0.0%	26.2%	30,100	BUY
TCB	Vietnam Technological JSCB	Banks	2,569	1.49	-	3%	11%	7.1	6.4	-	0.0%	13.3%	23,800	O-PF
TPB	Tien Phong JSCB	Banks	606	0.22	-	8%	48%	6.9	4.7	-	0.0%	16.7%	24,500	O-PF
HDB	Ho Chi Minh City Development JSCB	Banks	851	1.48	90.2	4%	26%	6.4	5.1	-	0.0%	25.6%	30,700	BUY
VIB	Vietnam International JSCB	Banks	572	0.48	1.6	7%	29%	4.4	3.4	756	4.5%	45.5%	24,300	BUY
BVH	Bao Viet Holdings	Insurance	1,463	1.30	332.7	-25%	18%	39.9	33.7	1,000	2.0%	14.6%	58,000	O-PF
BMI	Baominh Insurance Corp	Insurance	84	0.32	11	-13%	27%	14.7	11.6	1,000	4.7%	24.7%	26,800	BUY
SSI	SSI Securities Corp	Brokerage	333	1.83	193.9	-8%	16%	10.7	9.2	1,000	6.6%	-10.2%	13,600	M-PF
VEA	Vietnam Engine & Agricultural	Industrials	2,155	0.50	1,004.9	-12%	10%	8.6	7.8	5,300	13.1%	7.1%	43,500	O-PF
FPT	FPT Corp	Consumer	1,478	4.13	-	4%	27%	14.0	11.0	2,000	3.7%	3.0%	55,300	BUY
MWG	Mobile World Investment Corp	Consumer	1,579	5.44	-	-7%	41%	10.6	7.5	1,500	1.8%	47.8%	125,800	BUY
FRT	FPT Digital Retail JSC	Consumer	72	0.47	12.0	-30%	11%	14.5	13.0	1,000	3.8%	-29.1%	18,900	M-PF
VNM	Vietnam Dairy Products JSC	Consumer	7,356	7.22	3,595.0	1%	9%	21.0	19.3	4,800	4.1%	-0.7%	115,600	M-PF
MSN	Masan Group Corp	Consumer	2,933	4.71	305.6	-95%	272%	265.8	71.4	-	0.0%	10.2%	69,400	O-PF
SAB	Saigon Beer Alcohol Beverage C	Consumer	4,460	0.61	1,784.5	-19%	23%	29.0	23.7	5,000	2.8%	7.6%	190,000	O-PF
PNJ	Phu Nuan Jewelry JSC	Consumer	547	2.12	-	-17%	37%	15.4	11.3	1,800	2.8%	7.1%	68,100	BUY
QNS	Quang Ngai Sugar JSC	Consumer	349	0.29	128.1	-27%	26%	8.4	6.7	3,000	11.5%	-8.1%	23,900	O-PF
STK	Century Synthetic Fiber Corp	Industrials	52	0.10	22.6	0%	39%	5.5	3.9	1,000	5.8%	30.4%	22,500	BUY
VHC	Vinh Hoa Corp	Consumer	231	0.54	178.9	-27%	35%	7.3	5.4	1,500	4.4%	19.6%	40,500	BUY
VTP	Viettel Post Joint Stock Corp	Transportation	318	0.32	96.3	22%	30%	20.0	15.4	1,500	1.1%	20.5%	162,600	BUY
DHG	DHG Pharmaceutical JSC	Consumer	521	0.11	240.0	3%	6%	19.2	18.1	3,500	3.7%	-11.2%	83,200	M-PF
DHC	Dong Hai JSC of Bentre	Industrials	91	0.34	10.8	53%	21%	7.2	6.0	2,500	6.9%	47.7%	53,600	BUY
PTB	Phu Tai Corp	Diversified	88	0.48	28.1	1%	71%	5.3	3.1	1,000	2.2%	71.6%	79,800	BUY
CII	Ho Chi Minh City Infrastructur	Transportation	210	0.85	51.7	169%	-28%	9.6	13.4	1,600	8.2%	28.0%	24,900	BUY
KBC	Kinh Bac City Development Shar	Industrials	255	1.26	78.9	-17%	36%	9.0	6.6	-	0.0%	7.6%	15,600	O-PF
TLG	Thien Long Group Corp	Industrials	104	0.18	79.1	-27%	58%	10.8	6.8	2,000	6.3%	68.9%	53,700	BUY
DRC	Danang Rubber JSC	Industrials	98	0.39	28.8	13%	52%	8.4	5.5	500	2.5%	28.6%	25,600	O-PF
TCM	Thanh Cong Textile Garment Inv	Industrials	38	0.39	0.2	-21%	24%	6.0	4.9	1,000	5.6%	1.1%	18,000	M-PF
PPC	Pha Lai Thermal Power JSC	Power & Water	341	0.21	109.5	-34%	33%	9.8	7.4	2,500	10.2%	18.4%	29,000	BUY
NT2	PetroVietnam Nhon Trach 2 Powe	Power & Water	252	0.36	81.5	-15%	25%	9.8	7.8	2,300	10.8%	25.0%	26,500	BUY
POW	PetroVietnam Power Corp	Power & Water	1,054	2.09	388.0	-27%	47%	13.5	9.2	300	2.9%	18.4%	12,200	BUY
PC1	Power Construction JSC No.1	Power & Water	96	0.24	34.7	22%	9%	6.8	6.3	-	0.0%	30.7%	22,800	BUY
REE	Refrigeration Electrical Engin	Power & Water	397	0.77	-	-8%	29%	6.5	5.0	1,600	5.1%	44.1%	45,400	BUY
TDM	Thu Dau Mot Water JSC	Power & Water	85	0.24	34.3	9%	32%	10.0	7.6	1,100	5.1%	38.4%	29,900	BUY
GEX	Vietnam Electrical Equipment J	Diversified	324	0.80	119.5	36%	34%	10.2	7.7	-	0.0%	29.5%	22,600	BUY
GAS	PetroVietnam Gas JSC	Oil & Gas	5,178	2.31	2,827.8	-43%	32%	21.8	16.5	4,000	5.3%	1.9%	76,600	O-PF
PVD	PetroVietnam Drilling & Well S	Oil & Gas	164	2.24	72.3	-13%	226%	32.9	10.1	-	0.0%	-2.8%	10,600	M-PF
PVS	PetroVietnam Technical Service	Oil & Gas	237	2.63	94.8	-37%	41%	12.9	9.1	700	5.5%	11.8%	14,200	O-PF
PVT	Petrovietnam Transportation Co	Oil & Gas	118	0.78	31.9	-40%	26%	7.8	6.2	-	0.0%	23.5%	13,400	BUY
PLX	Vietnam National Petroleum Gro	Oil & Gas	2,048	1.96	158.6	-55%	88%	32.9	17.5	1,200	2.6%	10.1%	51,100	O-PF
BSR	BINH SON Refining and Petroche	Oil & Gas	794	1.03	67.2	-149%	-237%	-14.0	10.3	-	0.0%	-6.3%	6,000	M-PF
DPM	Petrovietnam Fertilizer & Chem	Oil & Gas	239	1.18	94.0	84%	5%	10.4	9.9	1,000	6.6%	-0.3%	15,200	O-PF
HPG	Hoa Phat Group JSC	Materials	2,533	7.27	409.4	17%	20%	9.2	7.7	2,000	7.2%	21.4%	33,500	BUY
HSG	Hoa Sen Group	Materials	139	1.52	63.7	89%	2%	6.7	6.6	-	0.0%	6.4%	10,800	M-PF
HT1	Ha Tien 1 Cement JSC	Materials	210	0.06	103.0	-4%	4%	9.3	8.9	1,000	6.8%	12.2%	16,500	BUY
BMP	Binh Minh Plastics JSC	Materials	165	0.36	33.4	8%	1%	9.3	9.3	4,000	8.4%	27.7%	60,800	BUY
NKG	Nam Kim Steel JSC	Materials	50	0.29	48.6	171%	7%	11.6	10.8	-	0.0%	1.3%	8,000	M-PF
CTD	Coteccons Construction JSC	Construction	204	0.58	6.1	-19%	-6%	10.7	11.4	3,000	3.9%	-32.2%	52,100	M-PF
DXG	Dat Xanh Group JSC	Real Estate	219	1.08	22.8	-32%	50%	6.8	4.5	-	0.0%	57.7%	17,900	BUY
KDH	Khang Dien House Trading and I	Real Estate	487	0.42	25.6	25%	26%	11.0	8.8	500	2.3%	41.0%	31,100	BUY
NLG	Nam Long Investment Corp	Real Estate	240	0.87	3.7	-6%	40%	6.6	4.7	933	4.0%	61.6%	37,500	BUY
NVL	No Va Land Investment Group Co	Real Estate	2,201	1.52	722.6	-3%	3%	15.6	15.1	-	0.0%	5.8%	57,000	M-PF
VIC	Vingroup JSC	Diversified	13,264	4.01	3,187.1	6%	1%	37.8	37.3	-	0.0%	23.3%	119,000	BUY
VHM	Vinhomes JSC	Real Estate	8,927	3.19	3,927.1	21%	16%	10.3	8.8	1,500	0.0%	40.7%	111,000	BUY
VRE	Vincom Retail JSC	Real Estate	2,240	3.07	493.1	-9%	28%	25.0	19.5	-	0.0%	18.9%	33,000	BUY
ACV	Airports Corp of Vietnam JSC	Transportation	5,508	0.50	2,536.2	-47%	64%	33.0	20.1	900	1.5%	17.0%	69,500	O-PF
GMD	Gemadep Corp	Transportation	236	0.32	-	-20%	17%	14.8	12.6	1,500	7.7%	28.1%	25,100	BUY
AST	Taseco Air Services JSC	Consumer	103	0.16	6.1	-93%	1279%	174.4	12.6	1,000	1.9%	-2.0%	52,800	M-PF
SCS	Sai Gon Cargo Service Corp	Transportation	228	0.16	71.6	-5%	30%	14.6	11.2	7,500	6.3%	33.9%	160,000	BUY
HVN	Vietnam Airlines JSC	Transportation	1,628	1.47	348.9	-281%	-137%	-9.3	25.2	-	0.0%	-6.3%	25,900	M-PF
VJC	Vietjet Aviation JSC	Transportation	2,582	1.45	292.7	-72%	464%	51.9	9.2	-	0.0%	-2.1%	110,600	M-PF

Nguồn: Dự báo của VCSC, số liệu của Bloomberg ngày 29/05/2020

## Xác nhận của chuyên viên phân tích

Tôi, Trương Thanh Nguyên, xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

### Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của VCSC

**Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị:** Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại)/giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi VCSC đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

**Rủi ro:** Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

## Liên hệ

### CTCP Chứng khoán Bản Việt (VCSC)

[www.vcsc.com.vn](http://www.vcsc.com.vn)

#### Trụ sở chính

Bitexco, Lầu 15, Số 2 Hải Triều  
Quận 1, Tp. HCM  
+84 28 3914 3588

#### Phòng giao dịch

Số 10 Nguyễn Huệ  
Quận 1, TP. HCM  
+84 28 3914 3588

### Phòng Nghiên cứu và Phân tích

#### Phòng Nghiên cứu và Phân tích

+84 28 3914 3588

#### Nghân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

##### **Ngô Hoàng Long, Phó Giám đốc, ext 123**

- Điền Đức Minh Nghĩa, Chuyên viên cao cấp, ext 138
- Đinh Phương Anh, Chuyên viên, ext 139
- Ngô Thị Thanh Trúc, Chuyên viên, ext 116

#### Hàng tiêu dùng và Dược phẩm

##### **Đặng Văn Pháp, Phó Giám đốc, ext 143**

- Nguyễn Thị Anh Đào, Trưởng phòng, ext 185
- Đào Danh Long Hà, Chuyên viên, ext 194
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên, ext 191

#### BDS và Vật liệu Xây dựng

##### **Lưu Bích Hồng, Trưởng phòng cao cấp, ext 120**

- Nguyễn Thảo Vy, Chuyên viên cao cấp, ext 147
- Phạm Minh Đức, Chuyên viên, ext 174

#### Khách hàng cá nhân

##### **Vũ Minh Đức, Trưởng phòng cao cấp, ext 363**

- Nguyễn Tường Huy, Chuyên viên, ext 173
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Chuyên viên, ext 129

### Phòng Giao dịch chứng khoán khách hàng tổ chức

& Cá nhân nước ngoài

#### **Nguyễn Quốc Dũng**

+84 28 3914 3588, ext 136

[dung.nguyen@vcsc.com.vn](mailto:dung.nguyen@vcsc.com.vn)

### Phòng Môi giới khách hàng trong nước

#### **Hồ Chí Minh & Hà Nội**

Châu Thiên Trúc Quỳnh  
+84 28 3914 3588, ext 222  
[quynh.chau@vcsc.com.vn](mailto:quynh.chau@vcsc.com.vn)

#### Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo  
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
+84 24 6262 6999

#### Phòng giao dịch

236 - 238 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. HCM  
+84 28 3914 3588

#### **Alastair Macdonald, Giám đốc, ext 105**

[alastair.macdonald@vcsc.com.vn](mailto:alastair.macdonald@vcsc.com.vn)

#### Vĩ mô

- Hoàng Thúy Lương, Chuyên viên cao cấp, ext 364
- Trương Thanh Nguyễn, Chuyên viên, ext 132

#### Dầu khí và Điện

##### **Đinh Thị Thùy Dương, Trưởng phòng cao cấp, ext 140**

- Ngô Thùy Trâm, Chuyên viên cao cấp, ext 135
- Lê Trọng Nghĩa, Chuyên viên, ext 181
- Lê Phước Đức, Chuyên viên, ext 196

#### Công nghiệp và Vận tải

- Hoàng Nam, Chuyên viên cao cấp, ext 124
- Thái Nhật Đăng, Chuyên viên, ext 149

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.